

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 17- 4- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Anh.

Bà Vũ Thị Hào.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

-Đại diện VKSND huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Quốc T, Tên gọi khác: Bé Anh; sinh năm 1992, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký thường trú: Ấp 3, xã B, huyện V, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc Th, sinh năm 1969 và bà Ngô Thị P, sinh năm 1970; có vợ là chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1994 và chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 11/3/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt Trần Quốc T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2012 theo bản án số 113/2013/HSST. Ngày 30/4/2013 Trần Quốc T chấp hành xong án phạt tù và nộp án phí xong ngày 27/5/2013.

Bị cáo đang được tại ngoại, bị cáo “vắng mặt”.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện V, tỉnh Đ. “vắng mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1970; Trú tại: Ấp 2, xã B, huyện V, tỉnh Đ. “vắng mặt”.

+ Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp 4, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 04/10/2019, ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1968 ngụ ấp 2, xã Th, huyện V điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển số 60F5-9802 do bà Lê Thị Kim C là vợ ông S đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe đến dự đám tang mẹ vợ ông S tại ấp 4, xã Th, huyện V. Ông S dựng xe mô tô trước sân nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa cổ xe. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/10/2019, Trần Quốc T đến dự đám tang tại nhà mẹ vợ ông S. Đến 02 giờ ngày 05/10/2019 T ra về phát hiện xe mô tô biển số 60F5- 9802 không có người trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp làm phương tiện đi lại. T gạt chân chống, dắt xe mô tô biển số 60F5-9802 ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe mô tô về phòng trọ tại ấp 4, xã B, huyện V cất giấu. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 05/10/2019, ông S phát hiện bị mất xe mô tô biển số 60F5-9802; tiến hành kiểm tra camera an ninh phát hiện Trần Quốc T trộm cắp nên ông S trình báo Cơ quan Công an. Biết sự việc bị phát hiện nên sáng ngày 05/10/2019, T đem xe mô tô biển số 60F5-9802 đến trả cho ông S.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô hiệu Dream biển số 60F5-9802.

Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-HS ngày 19/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KL-ĐGTS ngày 18/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận: Giá của 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 60F5-9802 là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại gì về kết luận của hội đồng định giá nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 12 tháng đến 14 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng hình sự:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát

và hành vi tổ tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

Người bị hại ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, chị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn điều tra đã có lời khai. Việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]Về căn cứ kết tội bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xét xử ngày 10/3/2020, bị cáo Trần Quốc T đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 05/10/2019, tại ấp 4, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Trần Quốc T lợi dụng ông Nguyễn Thành S sơ hở trong quản lý tài sản đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số 60F5-9802. Trị giá tài sản là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]Về nhân thân: Bị cáo Trần Quốc T là người có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 11/3/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt Trần Quốc T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2012 theo bản án số 113/2013/HSST. Ngày 30/4/2013 Trần Quốc T chấp hành xong án phạt tù và nộp án phí xong ngày 27/5/2013.

[5]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quốc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6]Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quốc T Tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các

điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7]Về dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Thành S không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[8]Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Dream biển số 60F5-9802 do bà Lê Thị Kim C đứng tên đăng ký, đây là tài sản chung của vợ chồng bà C và ông S. Hiện đã trao trả cho ông S, bà C là có cơ sở nên không xem xét.

[9]Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10]Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo về tội danh; điều khoản; về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; về mức hình phạt; về phần dân sự; xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11]Các vấn đề khác: Đối với chị Lê Thị Mỹ D là vợ của bị cáo T sau khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung xác định: Khi bị cáo T trộm cắp tài sản, chị D không biết và không tham gia trộm cắp. Sau khi bị cáo T trộm cắp xong, đến sáng ngày 05/10/2019 khi bị cáo T chở chị D đi làm thì chị D biết mà không tố giác hành vi trộm cắp của bị cáo T, tuy nhiên hành vi của chị D chưa đủ yếu tố cấu thành tội không tố giác tội phạm, do vậy không xử lý hành vi của chị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo luật định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKS huyện Vĩnh Cửu;
- VKS tỉnh ĐN;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- TAT.ĐN;
- THA.huyện Vĩnh Cửu;
- sở Tư pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại